

TRƯƠNG THUÝ TRINH*

VẤN ĐỀ QUẢN LÝ TĂNG SĨ VÀ CƠ SỞ THỜ TỰ TẠI CÁC NGÔI CHÙA SẮC TỬ Ở ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII – XVIII

Tóm tắt: Cuối thế kỷ XVII, cùng với việc hình thành hệ thống chùa Sắc tứ, chính quyền chúa Nguyễn bắt đầu chú trọng đến các vấn đề quản lý tăng sĩ, cơ sở thờ tự tại các ngôi chùa này. Tiếp cận từ góc độ Sử học, Tôn giáo học, Văn bản học, trên cơ sở các nguồn tư liệu, tài liệu lịch sử, bài viết bước đầu làm rõ các biện pháp quản lý của chính quyền chúa Nguyễn đối với tăng nhân, cơ sở thờ tự tại các ngôi chùa Sắc tứ ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII. Qua đó, góp phần cung cấp một cái nhìn cận cảnh về chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo ở Đàng Trong thời kỳ này.

Từ khoá: Phật giáo, chùa Sắc tứ, tăng sĩ, cơ sở thờ tự, Đàng Trong

Dẫn nhập

Thoát thai từ một lực lượng cát cứ, trong hơn 200 năm cai quản vùng đất Đàng Trong (1558-1777), chính quyền chúa Nguyễn luôn coi chính sách phát triển Phật giáo là một sách lược quan trọng nhằm quy tụ nhân tâm, củng cố quyền lực trên vùng đất mới. Nằm trong chính sách phát triển Phật giáo, khoảng cuối thế kỷ XVII, hệ thống chùa Sắc tứ từng bước hình thành phát triển. Là một loại chùa công do chính quyền trực tiếp xây dựng, quản lý và sử dụng, chùa Sắc tứ luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền chúa Nguyễn. Do đó, nghiên cứu hệ thống chùa Sắc tứ sẽ góp phần làm rõ thêm một số khía cạnh trong chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo thời kỳ này.

Tuy nhiên, một trong những khó khăn phổ biến trong các nghiên cứu về giai đoạn chúa Nguyễn đó là thiếu nguồn tư liệu, tài liệu. Bởi lẽ, là một chính quyền thiết lập trên vùng đất mới, chính quyền chúa Nguyễn dành ưu tiên cho việc phát triển kinh tế, củng cố quân sự, chính trị - xã hội, do đó hoạt động biên soạn, sáng tác, lưu trữ tài liệu chưa được chú ý

* NCS, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 17/7/2024; Ngày biên tập 7/8/2024; Duyệt đăng: 26/8/2024.

đúng mức. Ngoài ra, trong điều kiện chiến tranh liên miên, đặc biệt là giai đoạn Tây Sơn, hệ thống chùa chiền, các đồ pháp khí, pháp bảo, kinh sách, tài liệu giai đoạn chúa Nguyễn bị triệt hạ, phá hủy hoặc bị thất lạc, mất mát [Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, 2001: 226-238]...

Với tình hình như trên, không có nhiều nguồn tư liệu, tài liệu đề cập về chùa Sắc tứ Đàng Trong thời chúa Nguyễn, song có thể tìm thấy những ghi chép tản mạn trong một số tài liệu, gồm: các bộ sử, dư địa chí *Đại Nam thực lục (Tiền biên)*, *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử Quán triều Nguyễn biên soạn; tập bút ký *Hải Ngoại kỷ sự* của thiền sư Thạch Liêm (tức Hòa thượng Thích Đại Sán); tập truyện lịch sử *Nam triều Công nghiệp diễn chí* của Bảng Trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm - một vị quan đầu triều dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725)...

Ngoài ra, chùa Sắc tứ thời chúa Nguyễn cũng được đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp trong một số công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Đàng Trong, gồm: *Phật giáo Đàng Trong* của Nguyễn Hiền Đức (1995); *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)* của Trần Hồng Liên (2000); *Lịch sử Phật giáo xứ Huế* của Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001); *Lịch sử Phật giáo Quảng Nam thế kỷ XVII-XIX* của Lê Xuân Thông (2018)... Trong đó, các tác giả chủ yếu đề cập đến các hoạt động của chính quyền chúa Nguyễn trong việc *xây dựng, sửa chữa, ban sắc tứ, đồ thờ, pháp khí, pháp bảo* cho các ngôi chùa công, chùa Sắc tứ...

Cho đến nay, công trình nghiên cứu duy nhất về chùa Sắc tứ được đánh giá là có tính chuyên sâu và hệ thống là nghiên cứu về *Chùa Sắc tứ xứ Huế* của Tạ Quốc Khánh (2012). Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung khảo cứu chùa Sắc tứ thời kỳ triều Nguyễn (thế kỷ XIX-XX). Vì thế, hầu như chưa có các công trình nghiên cứu có tính hệ thống về chùa sắc tứ ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn ngoại trừ một số bài nghiên cứu chuyên khảo về một vài ngôi chùa Sắc tứ cụ thể. Do những hạn chế về nguồn tư liệu, tài liệu, sự ra đời, hình thành và phát triển của các ngôi chùa Sắc tứ ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn cho đến nay vẫn tồn tại nhiều vấn đề đặt ra cho các nhà nghiên cứu. Trong công trình *Chùa Sắc tứ xứ Huế*, Tạ Quốc Khánh khẳng định nguồn gốc ra đời của chùa Sắc tứ ở Đàng Trong bắt đầu dưới thời chúa Nguyễn nhưng chưa xác định được thời điểm cụ thể. Một số tác giả trên cơ sở khảo cứu từng ngôi chùa cụ thể, cho rằng chùa Sắc tứ thời chúa Nguyễn thường tọa lạc ở các khu trung tâm kinh tế - chính trị hoặc các vị trí chiến lược quân sự. Tiêu biểu, chùa Hà Trung nằm trong khu vực đầm phá nơi ra vào của lực lượng thủy quân ở Đàng

Trong [Võ Vinh Quang, 2018: 88-95], chùa Thiền Tôn nằm cạnh Dinh Cát giữ vị trí hiểm yếu về quân sự [Onishi Kazuhiko, 2014: 33-36]. Đáng chú ý, một số nghiên cứu gần đây của Trương Thúy Trinh về chùa Sắc tứ đã bước đầu đề cập đến các vấn đề về *hoạt động ban cấp biển ngạch, hoạt động xây dựng, sửa chữa, các hoạt động và thực hành Phật giáo* của chính quyền chúa Nguyễn tại các ngôi chùa Sắc tứ [Trương Thúy Trinh, 2020b: 113-127]... Tuy nhiên, vấn đề *quản lý tăng sĩ, cơ sở thờ tự* tại các ngôi chùa Sắc tứ hầu như chưa nhận được sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu.

Căn cứ vào các nguồn tài liệu lịch sử, đặc biệt là các thư tịch cổ mới được phát hiện trong thời gian gần đây, từ cách tiếp cận *Sử học, Tôn giáo học, Văn bản học*, bài viết bước đầu tìm hiểu và làm rõ vấn đề quản lý tăng sĩ, cơ sở thờ tự tại một số ngôi chùa Sắc tứ ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn thế kỷ XVII - XVIII. Qua đó, góp phần làm rõ một số khía cạnh đời sống Phật giáo ở Đàng Trong, cung cấp một cái nhìn cận cảnh về chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII.

1. Khái quát Phật giáo Đàng Trong thời chúa Nguyễn (1558-1777)

1.1. Chủ trương phát triển Phật giáo

Trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558), sau này làm Tổng trấn Thuận Quảng (1570), tại đây đã có một số ngôi chùa của người Việt [Dương Văn An, 2009: 91-95] và của người Hoa [Nguyễn Ngọc Thơ, 2018: 116]. Trên cơ sở tiếp quản vùng đất hoang sơ, người Việt và người Chăm sống đan xen với các thành phần cư dân khác, Nguyễn Hoàng (1558-1613) đã chủ trương đề cao Phật giáo nhằm mục đích *vỗ về quân dân*, củng cố quyền lực chính trị trên vùng đất mới [Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 2004: 28].

Tuy nhiên, khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn nổ ra (1627-1672), Phật giáo Đàng Trong bị cắt đứt mối liên hệ với Phật giáo Đàng Ngoài, trong khi chính quyền chúa Nguyễn phải tập trung mọi nguồn lực cho cuộc nội chiến, vì thế chính sách phát triển Phật giáo tạm thời bị gián đoạn.

Cuộc nội chiến kết thúc (1672), Đàng Trong bước vào thời kỳ ổn định. Đây là lúc chính quyền chúa Nguyễn cho thi hành các chính sách phát triển *kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao*, trong đó có chính sách phát triển Phật giáo. Đáng chú ý, đây cũng là thời điểm ra đời loại hình chùa Sắc tứ ở Đàng Trong [Trương Thúy Trinh, 2020a: 24-31].

Trên cơ sở chính sách phát triển Phật giáo, chùa chiền được tạo điều kiện ra đời và phát triển rộng khắp với nhiều loại hình khác nhau. Tiêu biểu có *chùa công*, *chùa Sắc tứ* (do chính quyền trực tiếp xây dựng, sử dụng); *chùa làng* (của làng ra đời trong quá trình khai hoang); *chùa khuôn* (tức *Niệm Phật đường* thường có quy mô nhỏ do dân lập ra); *chùa tổ* (do các vị tăng sĩ lập ra); *chùa Hoa* (của người Hoa), *chùa Khmer* (của người Khmer)...

Trong các loại hình chùa nêu trên, loại hình chùa Sắc tứ ra đời muộn (cuối thế kỷ XVII), song nó có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII.

1.2. Quá trình hình thành phát triển và vai trò của chùa Sắc tứ

1.2.1. Quá trình hình thành phát triển

Theo Tạ Quốc Khánh, chùa Sắc tứ có chức năng giống với các ngôi chùa *quốc tự* đã xuất hiện ở nước ta từ thời Lý (thế kỷ XII). Tuy nhiên, chùa được gọi là *chùa Sắc tứ* là do chùa được nhận *sắc tứ* của các vị chúa Nguyễn [Tạ Quốc Khánh, 2012]. Thời kỳ này, chính quyền chúa Nguyễn tiếp tục duy trì truyền thống sắc phong. Bên cạnh việc sắc phong thần kỳ cho các đình, đền, miếu, các chúa Nguyễn ban sắc tứ cho một số ngôi chùa. Phần lớn các ngôi chùa được sắc tứ đều là *chùa công*, đặc biệt là các ngôi chùa do Nguyễn Hoàng xây dựng thời kỳ đầu. Ngoài ra, một số ngôi *chùa tổ* hoặc *chùa làng* được lập bởi các vị tăng sĩ hoặc quan lại có uy tín cũng được các chúa Nguyễn xem xét ban cho sắc tứ. Tuy nhiên, trong khi các điển lễ về việc quản lý, sử dụng, chế độ thờ tự tại các ngôi chùa *quốc tự* được quy định rõ ràng dưới thời triều Nguyễn thế kỷ XIX – XX [Tạ Quốc Khánh, 2014: 31-45] thì hiện tại vẫn chưa tìm thấy các văn bản quy định về các vấn đề ban sắc tứ, xây dựng, quản lý, sử dụng đối với chùa Sắc tứ... thời chúa Nguyễn.

Thời chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613): Mặc dù sử liệu cho biết thời kỳ này triều đình cho xây nhiều ngôi chùa trên đất Thuận Hóa, Quảng Nam, Quảng Bình [Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 31-45] nhưng chưa thấy ghi chép về việc ban sắc tứ cho chùa.

Thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) và chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) diễn ra cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, nên có thể đây là nguyên nhân khiến cho chính quyền chưa có điều kiện tiến hành các hoạt động ban sắc tứ cho chùa.

Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) ban sắc tứ cho một ngôi chùa (chùa Thiên Tân thuộc phủ Thừa Thiên). Đây là hoạt động ban sắc tứ đầu tiên dưới thời chúa Nguyễn, có thể nó được tiến hành ngay sau khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc.

Chùa được sắc tứ nhiều nhất là dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) với 7/26 chùa và thời Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) cũng với con số tương tự 7/26 ngôi chùa được ban sắc tứ.

Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) ban sắc tứ cho một chùa (Long Quang, kinh đô Huế). Đây là giai đoạn tình hình chính trị phức tạp, tuy nhiên vẫn diễn ra các hoạt động ban sắc tứ cho chùa.

Về số lượng: Kết quả thống kê chưa đầy đủ từ các nguồn sử liệu và tài liệu điền dã cho thấy: có khoảng 26 ngôi *chùa Sắc tứ* trong tổng số 78 ngôi *chùa công* thời kỳ này. Cụ thể, gồm: Chùa Thiên Mục, Chùa Long Quang (Kinh đô Phú Xuân); Chùa Quang Đức, Chùa Khánh Vân, Chùa Báo Quốc, Chùa Quốc Ân, Chùa Từ Đàm, Chùa Hà Trung, Chùa Sơn Tùng, Chùa Giác Hoàng, Chùa Tĩnh Quang, Chùa Thiên Tân (Thuận Hóa); Chùa Cảnh Tiên, Chùa Hoằng Phúc, Chùa Bảo Quang, Chùa Di Đà (Quảng Nam); Chùa Diệu Giác, Chùa Phổ Tế, Chùa Long Hưng (Quảng Ngãi); Chùa Linh Phong, Chùa Thập Tháp, Kim Cang (Bình Định); Chùa Kim Sơn, Chùa Hộ Quốc, Chùa Vạn An (Khánh Hòa); Chùa Thiên Trường (Gia Định) [Trương Thúy Trinh, 2020a: 24-31].

Tình hình phân bố: Với tổng số 26 ngôi chùa Sắc tứ trên đây, có thể nhận thấy, kinh đô Phú Xuân và phủ Thừa Thiên có số lượng chùa Sắc tứ dày đặc với 12/26 ngôi chùa (gần bằng tổng số chùa Sắc tứ ở các dinh, trấn khác cộng lại). Bởi vì Thuận Hóa không chỉ giữ vai trò trung tâm chính trị, nơi đây còn là vùng đất cũ có nhiều gắn bó với các vị chúa Nguyễn.

Các dinh trấn còn lại là những vùng đất mới khai phá, dân cư thưa thớt, số lượng chùa Sắc tứ vì thế khá ít ỏi. Cho đến trước chiến tranh Trịnh - Nguyễn, Đàng Trong có bảy dinh, trấn từ Quảng Bình đến Phú Yên. Sau năm 1672, lãnh thổ từng bước mở rộng xuống phía Nam, theo đó vùng đất Nam Bộ được cắt đặt hành chính khoảng cuối thế kỷ XVII, Hà Tiên muộn nhất khoảng giữa thế kỷ XVIII. Các dinh, trấn thành lập sau, như: Bình Định, Khánh Hòa, Gia Định, Biên Hòa thường có từ một đến hai ngôi chùa Sắc tứ. Một số dinh, trấn ở xa kinh đô, được thành lập muộn như Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên hầu như chưa xuất hiện chùa Sắc tứ.

1.2.2. Vai trò, chức năng của các ngôi chùa Sắc tứ

Khác với các ngôi *chùa làng* ra đời trong quá trình khai hoang (*lập làng gắn với lập chùa*) chủ yếu là để phục vụ nhu cầu thực hành Phật giáo trong nhân dân, các ngôi *chùa công* có chức năng chủ yếu phục vụ nhu cầu thực hành Phật giáo của giới quý tộc. Cuối thế kỷ XVII là

lúc Đàng Trong bước vào thời kỳ ổn định, *chùa Sắc tứ* ra đời ngoài chức năng phục vụ giới quý tộc, chúng còn có chức năng dẫn dắt, chấn hưng đời sống Phật giáo ở các dinh, trấn.

Cụ thể, các chúa Nguyễn quan tâm đặc biệt tới các ngôi chùa Sắc tứ. Cùng với việc ban, gán biển ngạch cho chùa, các chúa Nguyễn thường xuyên tiến hành các hoạt động *xây dựng, trùng tu, đúc chuông, tô tượng, dựng bia, ban đồ thờ, tượng thờ, hành phi, câu đối*... Nhân các dịp này, các chúa Nguyễn còn tổ chức các *đàn pháp, đàn giới, đàn chay, mở hội chùa, phát chẩn, bố thí* cho dân. Chùa Sắc tứ trở thành trung tâm sinh hoạt Phật giáo với chức năng dẫn dắt, chấn hưng đời sống Phật giáo ở các dinh, trấn. Qua đó, các luân lý, đạo đức Phật giáo được phổ biến rộng rãi trong đời sống xã hội.

Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng, với việc phát triển hệ thống chùa Sắc tứ, các chúa Nguyễn muốn đề cao *vai trò hệ tư tưởng chính thống* của Phật giáo. Bên cạnh đó, việc tổ chức thường xuyên các sự kiện Phật giáo quy mô lớn thu hút sự tham gia của đông đảo các thành phần xã hội, gồm: tôn thất, quan lại, tăng sĩ, các thành phần cư dân... góp phần gia tăng mối quan hệ gắn kết giữa chính quyền và người dân. Chùa Sắc tứ trở thành biểu tượng của *Phật giáo vương quyền*, đồng nhất *thần quyền* với *thế quyền*, góp phần củng cố quyền lực của chính quyền chúa Nguyễn trên vùng đất Đàng Trong.

2. Vấn đề quản lý tăng sĩ và cơ sở thờ tự

2.1. Một số vấn đề về Tăng lục

Theo mô hình tổ chức ở Trung Hoa: *Tăng lục* là chức *Tăng quan* cao nhất thuộc cấp trung ương. Tiếp theo là chức *Tăng thống* ở các địa phương, *Tăng chính* ở các châu. Tại các châu còn có hệ thống chùa Khai Nguyên (*Quan tự*) bố trí một vị *Tăng quan* trụ trì để quản lý toàn bộ hoạt động của tăng, ni, Phật tử tại địa phương. Hệ thống *Tăng lục* được tổ chức hoàn bị nhất là dưới thời Đường [Thích Thánh Nghiêm, 2010: 123-125]. Trong đó, *Tăng lục* đảm nhiệm vai trò tổ chức, quản lý tăng đoàn bao gồm lực lượng tăng sĩ, cơ sở thờ tự, hoạt động Phật sự một cách thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Ở Việt Nam, thời kỳ Phật giáo phát triển dưới triều Lý, Trần đã hình thành hệ thống *Tăng quan* bao gồm *Tăng thống, Tăng Lục, Tăng Chính* tương tự Trung Hoa [Thích Minh Trí, 2012: 173-177]. Sang thế kỷ XV, nhà Lê đề cao Nho giáo, Phật giáo sa sút, vai trò của *Tăng lục* trở nên mờ nhạt trong đời sống xã hội.

Đáng chú ý, trong *Phủ biên tạp lục*, khi đề cập đến cơ cấu tổ chức của bộ máy chính quyền ở Đàng Trong, Lê Quý Đôn cho biết tại một

số ngôi chùa công có đặt chức *Tăng lục*, lại có *Ty Tăng lục* [Lê Quý Đôn, 2007: 146].

Nếu đúng như mô hình *Tăng lục* của Trung Hoa, thì *Ty Tăng lục* rất có thể là cơ quan chuyên trách các công việc của *tăng đoàn*, *tăng giới*. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn thiếu những bằng chứng cụ thể phản ánh các hoạt động của *Tăng lục*. Ít nhất chúng ta có thể khẳng định, trong bộ máy chính quyền thời chúa Nguyễn đã có các chức vụ và cơ quan chuyên trách công việc quản lý tăng đoàn. Trên thực tế, một số bằng chứng cho thấy, thời kỳ này, chính quyền chúa Nguyễn đã trực tiếp tiến hành các biện pháp tổ chức, quản lý tăng đoàn, trong đó có các vấn đề *quản lý tăng sĩ*, *cơ sở thờ tự* tại các ngôi chùa Sắc tứ sẽ được chúng tôi trình bày ngay sau đây.

2.2. *Vấn đề quản lý tăng sĩ*

Trước hết, tình hình tăng sĩ và việc tu tập, thực hành pháp giới thời kỳ này được cho là khá hỗn loạn. Trong hai năm hoằng pháp ở Đàng Trong (1696-1697), Thích Đại Sán ghi chép lại như sau: “Nay ta xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn, há phải thiếu kẻ tu hành có căn tính linh lợi (...) Phật pháp rối loạn, không có kẻ chơn tu hành, tăng chúng không giữ giới luật...” [Thích Đại Sán, 2015: 81-82].

Tình hình trên có thể xuất phát từ hai nguyên nhân sau:

Thứ nhất, Phật giáo Đàng Trong trải qua một thời gian dài thiếu người dẫn dắt, đặc biệt là sau sự kiện năm 1682 khi thiền sư Hương Hải chạy ra Bắc.

Thứ hai, do chính sách bắt phu và chế độ *phu lính trọn đời* của chính quyền chúa Nguyễn. Theo quy định, độ tuổi của người đi phu lính là từ 16 tuổi đến 60 tuổi. Khoảng tháng ba, tháng tư hàng năm, chính quyền cho người đi lục soát khắp nơi, hễ nhà nào có đàn ông, con trai trong độ tuổi đều bị bắt đi phu lính trong quân đội. Vì thế, các gia đình “cha mẹ sợ con phải đi lính vừa lớn lên cho vào chùa làm sãi, hầu mong trốn tránh việc quan; do đó bọn khoác áo nhà chùa rất đông, Phật pháp trở nên hỗn loạn chẳng những “tôn pháp không ai hỏi đến, mà các việc “luật”, “luận” cũng đều xếp xó bỏ qua...” [Thích Đại Sán, 2015: 69-70].

Trước thực tế trên, chính quyền chúa Nguyễn đã cho thi hành một số biện pháp nhằm tăng cường quản lý đối với lực lượng tăng sĩ.

(1) *Ban hành các quy định về sát hạch, quản lý, giám sát đối với tăng sĩ.*

Theo *Đại Nam thực lục*, năm 1707, Nguyễn Phúc Chu chính thức ban hành các quy định về việc sát hạch giáo lý Phật giáo, cấp giới điệp, kiểm tra văn điệp, giám sát việc tu trì, giữ giới, xử lý với người giả tu [Quốc Sử Quán triều Nguyễn, 2004: 121],... Các quy định này nhằm tăng cường quản lý, giám sát lực lượng tăng sĩ nhằm đảm bảo việc tu tập, thực hành giới luật được chấp hành nghiêm túc. Biện pháp này đặc biệt có tác dụng khắc phục tình trạng giả tu để trốn lính phổ biến trong đời sống xã hội lúc đó.

(2) *Áp dụng chế độ công văn, báo cáo Phủ chúa.*

Theo nguồn “Tư liệu Hán Nôm chùa Quang Hoa” (Bình Định), trong số bảy văn bản gửi Phủ chúa dưới các dạng tờ *Thân, Bẩm, Đơn, Phái* có niên đại từ 1708-1753, có tới ba văn bản (niên đại khác nhau) có nội dung tương đối giống nhau. Trong đó, thiền sư trụ trì Bích Phong cung cấp danh sách (đầy đủ họ tên và tên pháp danh) của hơn 30 vị tăng trong chùa, đồng thời xin “miễn nhập bạ” cho các vị này [Thích Đồng Dưỡng, 2012, 83-96]. Thực chất của việc “miễn nhập sổ bạ” là xin miễn chế độ đóng thuế thân, sưu dịch cho các tăng sĩ.

Bởi vì nội dung của ba văn bản khá giống nhau có tính chất lặp đi lặp lại, do đó chúng tôi cho rằng, đây có thể là các văn bản báo cáo định kỳ của nhà chùa gửi Phủ chúa. Trên cơ sở đó, theo định kỳ, thiền sư trụ trì sẽ làm văn bản báo cáo với Phủ về tình hình số lượng tăng sĩ tu tập tại chùa, đồng thời xin miễn chế độ phu dịch, sưu thuế đối với tăng sĩ.

(3) *Tiến cử tăng sĩ trụ trì*

Bên cạnh việc xây dựng hoặc ban sắc tứ cho chùa, việc các chúa Nguyễn trọng dụng, tiến cử các vị thiền sư trụ trì các ngôi chùa Sắc tứ diễn ra khá phổ biến.

Năm 1667, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) lập ra Thiền Tịnh viện ở núi Linh Thái (cửa biển Tư Dung) mời Hương Hải (1628-1715) về trụ trì và hoạt động hoằng pháp tại đây [Nguyễn Hiền Đức, 1995: 53].

Đại Nam thực lục chép chùa Thiền Lâm do thiền sư Thạch Liêm (1633-1704) dựng. Trên thực tế, chùa đã có từ trước, khi chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) mời thiền sư Thạch Liêm sang hoằng pháp, Chúa cho dựng thêm liêu xá, mở rộng chùa, đồng thời mời thiền sư trụ trì chùa Thiền Lâm trong suốt hai năm hoằng pháp ở Đàng Trong (Thích Đại Sán, 2015).

Thiền sư Nguyên Thiều (1648-1728) là người có công lớn trong việc hoằng pháp đặt nền móng cho Phật giáo Đàng Trong. Chính quyền chúa Nguyễn ngoài việc ban sắc tứ cho chùa Thập Tháp (Bình

Định) do Nguyên Thiều khai sơn đã mời thiền sư trụ trì cùng một lúc hai ngôi chùa Sắc tứ là chùa Hà Trung và chùa Quốc Ân (tại Huế) [Nguyễn Hiền Đức, 1995].

Thiền sư Liễu Quán (1667-1742) có vai trò ảnh hưởng lớn đối với Phật giáo Đàng Trong, đặc biệt là vùng Huế. Thiền sư khai sơn nhiều ngôi chùa, trong đó chính quyền chúa Nguyễn ban sắc tứ cho chùa Viên Thông do ngài khai sơn, sửa chùa, mời ngài trụ trì ngôi chùa này [Thích Không Nhiên, 2004: 105-114] .

(4) Thường xuyên tổ chức hoạt động hoằng pháp

Trên cơ sở tiền cử các vị thiền sư trụ trì tại các ngôi chùa Sắc tứ, chính quyền tích cực hậu thuẫn để các thiền sư mở nhiều *đàn giới, đàn pháp* tại đây. Thiền sư Hương Hải với Thiền Tịnh viện, Thiền sư Thạch Liêm với chùa Thiền Lâm, Thiền sư Nguyên Thiều với chùa Quốc Ân, Thiền sư Liễu Quán với chùa Viên Thông... đã tổ chức được nhiều *đàn giới, đàn pháp* với quy mô hàng nghìn người tại các ngôi chùa này. Các hoạt động hoằng pháp được tổ chức thường xuyên nhằm mục đích chấn chỉnh hoạt động tu trì, giữ giới trong hàng ngũ tăng chúng, qua đó từng bước góp phần chấn chỉnh pháp giới, củng cố tăng đoàn.

2.3. Vấn đề quản lý cơ sở thờ tự

Do những hạn chế về nguồn tư liệu, trong phần viết này chúng tôi chủ yếu dựa vào các văn bản thư tịch cổ được tìm thấy gần đây tại một số ngôi chùa Sắc tứ. Qua đó, nó phản ánh phần nào về tình hình quản lý của chính quyền chúa Nguyễn đối với các vấn đề ruộng đất, cơ sở thờ tự tại các ngôi chùa Sắc tứ.

(1) Ruộng đất Tam bảo

Ruộng đất Tam bảo của các chùa Sắc tứ được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy nhiên, có thể phân ra làm ba loại ruộng đất, đó là: được ban cấp, được dân cúng dường, do nhà chùa mua thêm. Phần lớn các ruộng đất này được sử dụng vào mục đích phục vụ cho đời sống tăng sĩ và cúng Tam bảo. Thông thường, ruộng đất sẽ phải đóng thuế, song cũng có các trường hợp được miễn thuế nhưng phải có sự phê duyệt của Phủ chúa.

Nguồn tài liệu thứ nhất: “Tư liệu Hán Nôm chùa Quang Hoa”. Theo nội dung văn bản, chùa Quang Hoa là một ngôi *chùa Sắc tứ* từng trải qua ba đời chúa Nguyễn: Nguyễn Phúc Chu (1691-1725); Nguyễn Phúc Chú (1725-1738); Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) với các tên gọi khác nhau: *Sắc tứ Quang Minh tự, Sắc tứ Hoa Phong tự, Sắc tứ*

Quang Hoa Hộ Quốc Trường An tự sau này gọi tắt là chùa *Quang Hoa* [Thích Đồng Dưỡng, 2012: 83-96].

Đáng chú ý, trong số bảy văn bản dưới các dạng tờ *Thân*, *Bản*, *Đơn*, *Phái* có tới ba văn bản có bút phê của chúa Nguyễn. Trong số đó có tờ *Thân* đề năm 1708 do thiền sư trụ trì Giám Huyền đứng đơn, đề cập đến vấn đề xin miễn tô thuế cho ruộng đất Tam bảo của chùa [Thích Đồng Dưỡng, 2012: 83-96].

Nguồn tài liệu thứ hai: “Tờ trình gửi Phủ chúa miễn thuế Tam bảo tự điền của tổ Nguyên Thiệu và tổ Giác Phong năm Chính Hòa thứ 15” (1694) chùa Quốc Ân. Được biết, chùa Quốc Ân do Thiền sư Nguyên Thiệu khai sơn, ban đầu tên chùa là Vĩnh Ân, về sau đổi tên thành Quốc Ân và được ban sắc tứ.

Đáng chú ý, trong Tờ trình đề năm 1694 cho biết Nguyên Thiệu là trụ trì, nhưng cả hai thiền sư Nguyên Thiệu và Giác Phong đều đứng tên. Về nội dung, tờ đơn trình bày về nguồn gốc, số lượng, vị trí của các sở ruộng thuộc diện *ruộng đất Tam bảo* của chùa Quốc Ân và tháp Phổ Đồng (phủ Triệu Phong), có tổng diện tích là 16 mẫu 5 sào 4 thước. Mục đích của tờ *Thân* là xin phép được miễn trừ tô thuế đối với số ruộng đất Tam bảo nói trên. Phần cuối văn bản có dòng châu phê của Phủ chúa nêu rõ: *đồng ý miễn thuế đối với ruộng đất Tam bảo* như đã nêu trong tờ trình [Thích Hải Ấn, 2016: 40-43].

Nguồn tài liệu thứ ba: “Tư liệu Hán Nôm chùa Thuyền Tôn”. Trong số hơn 200 tài liệu thư tịch cổ lưu giữ tại chùa, gồm 43 văn bản niên đại thời chúa Nguyễn, đáng chú ý có ba văn bản (*Tấu*, *Thân*) có dấu châu phê của chúa Nguyễn liên quan đến vấn đề ruộng Tam bảo và việc nộp thuế đất. Trong đó, chúa Nguyễn Phúc Chú (1725-1738) châu phê tờ *Thân* năm 1729; chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) châu phê bản *Tấu* năm 1761; chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1774) châu phê bản *Tấu* vào năm 1773 [Thích Không Nhiên, 2022: 20-36].

Đặc biệt, bản *Tấu* năm 1773 do ngài Tế Mẫn Tổ Huân đứng tên, xin phép Phủ chúa được *miễn thuế ruộng đất chùa Thuyền Tôn hàng năm*. Trong đó, có dòng châu phê của chúa Nguyễn Phúc Thuần với nội dung: “*Chuẩn thuận nhập tiền thuế ruộng hàng năm cúng Tam Bảo*” [Thích Không Nhiên, 2022: 30]. Thời điểm này (1773), phong trào Tây Sơn đang lan rộng từ Bình Định xuống vùng Bình Thuận, Quảng Ngãi, song vấn đề ruộng đất Tam bảo vẫn được Phủ chúa xem xét, phê duyệt.

(2) Mua sắm vật tư, xây dựng, sửa chữa chùa

Chúng ta biết rằng, phần lớn các ngôi chùa Sắc tứ có nguồn gốc là *chùa công*. Tuy nhiên, một số ngôi *chùa tổ* do các thiền sư khai sơn cũng được chính quyền chúa Nguyễn ban sắc tứ, đồng thời cho sửa chữa, nâng cấp. Chùa Quốc Ân là một trường hợp tiêu biểu. Chùa do Thiền sư Nguyên Thiều khai sơn, ban đầu có tên chùa Vĩnh Ân. Một số nhà nghiên cứu đoán định chùa được khai sơn từ năm 1682-1684. Năm 1684, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) ban cho Nguyên Thiều một ngân khoản để xây sửa chùa, tháp Phổ Đồng cũng được xây dựng lúc thời điểm này [Thích Hải Ấn, 2016: 40-43].

Đáng chú ý, tư liệu chùa Sắc tứ Quang Hoa cung cấp một số thông tin quan trọng về việc quản lý hoạt động mua sắm vật tư và sửa chữa. Trong đó, tờ *Phái* do ngài Giám Huyền đứng tên, xin mua gỗ để làm chùa (bị mất năm); tờ *Bẩm* của thiền sư trụ trì Bích Phong đề cập về việc xin sửa chùa (1733)... Đặc biệt, tờ *Bẩm* do Thiền sư Bích Phong đứng tên (1733) cho biết có ít nhất hai lần chùa xin phép sửa chữa: Lần thứ nhất, cấp tiền để quan *Khám lý* tu bổ chùa nhưng chưa tiến hành. Lần thứ hai, công văn nói rõ có vị quan *Tạo Thành Hầu* xin phát tâm sửa chữa. Cuối văn bản có dòng kim phê (của chúa Nguyễn) với nội dung: “*Đồng ý giao Tạo Thành Hầu thực hiện*” [Thích Đồng Dưỡng, 2012: 83-96]. Văn bản này cho biết rằng, tại các ngôi chùa Sắc tứ, mọi hoạt động *mua sắm vật tư, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất* đều phải xin phép Phủ chúa. Đối với việc sửa chữa, bên cạnh việc phê duyệt, chính quyền chúa Nguyễn còn phân công cho vị quan sở tại chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát hoạt động này.

Như vậy, với một số thư tịch cổ trên đây, có thể nhận thấy thời kỳ này chính quyền chúa Nguyễn đã áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát và giám sát đối với hàng ngũ tăng sĩ, cơ sở thờ tự tại các ngôi chùa Sắc tứ. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề chính, gồm: quản lý số lượng, hoạt động tu tập của tăng sĩ, số lượng ruộng đất Tam bảo, hoạt động mua sắm vật tư, xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất... Ngoài ra, niên đại văn bản cũng cho biết thêm, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), hoạt động quản lý các ngôi chùa Sắc tứ được đặc biệt đẩy mạnh.

3. Một số nhận định đánh giá

Trong hơn 200 năm nắm quyền cai quản vùng đất Đàng Trong (1558-1777), Phật giáo có vai trò quan trọng trong nỗ lực củng cố

quyền lực, mở rộng cương vực Đàng Trong của chính quyền chúa Nguyễn là điều không thể phủ nhận.

Ngày từ rất sớm, chính quyền chúa Nguyễn đã chủ trương phát triển Phật giáo nhằm thu phục nhân tâm, củng cố quyền lực chính trị trên vùng đất mới. Sau khi nội chiến Trịnh - Nguyễn kết thúc, cuối thế XVII, chính quyền chúa Nguyễn tập trung toàn bộ nguồn lực vào việc phát triển *kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại, văn hoá, xã hội*, trong đó bao gồm cả *chính sách phát triển Phật giáo*.

Căn cứ nguồn tài liệu lịch sử, trong đó có các tài liệu thư tịch cổ được phát hiện gần đây, bài viết đã cung cấp thêm những bằng chứng cụ thể về chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo. Cuối thế kỷ XVII, cùng với việc hình thành hệ thống chùa Sắc tứ do chính quyền trực tiếp xây dựng, quản lý và sử dụng, các vấn đề quản lý *tăng sĩ, cơ sở thờ tự* của các ngôi chùa này đã được các chúa Nguyễn triển khai thực thi một cách khá quy củ, chặt chẽ và thường xuyên. Chùa Sắc tứ với chức năng chấn hưng, dẫn dắt đời sống Phật giáo tại các dinh trấn, cùng với việc đẩy mạnh quản lý tăng sĩ, cơ sở thờ tự tại đây đã có tác dụng *chấn chỉnh tăng giới, củng cố tăng đoàn*. Ngoài ra, còn góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo thời kỳ này.

Cụ thể, trong hệ thống văn bản hành chính thời kỳ này, gồm: *Bấm, Tấu, Thân, Phái* do các chùa gửi Phủ chúa và ngược lại, nhiều văn bản (châu phê) do đích thân các chúa Nguyễn phê duyệt. Về nội dung công việc, chính quyền chúa Nguyễn tập trung chủ yếu vào các vấn đề quản lý số lượng tăng sĩ, miễn chế độ phu dịch, sưu thuế cho tăng sĩ, sát hạch, giám sát việc tu tập, giữ giới của tăng sĩ, xử lý các trường hợp giả tu, mua sắm vật tư, xây dựng, sửa chữa chùa chiền, quản lý số lượng ruộng đất Tam bảo, miễn thuế ruộng đất Tam bảo... Đáng chú ý, đã hình thành chế độ báo cáo định kỳ giữa các chùa Sắc tứ với Phủ chúa. Việc quản lý được đẩy mạnh dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765). Ngay cả khi phong trào Tây Sơn đang phát triển mạnh - thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777), việc xem xét, miễn thuế ruộng đất Tam bảo vẫn được tiến hành.

Người đứng tên trong văn bản hành chính của các chùa Sắc tứ hầu hết là các vị thiền sư trụ trì. Điều đó cho thấy, vai trò quan trọng của các vị trụ trì trong mối liên hệ với chính quyền chúa Nguyễn, đặc biệt, trong các vấn đề quản lý *tăng sĩ, cơ sở thờ tự* tại các chùa. Như đã nêu, mô hình *Chùa quan, Tăng quan* khá gần gũi với cơ cấu tổ chức *Tăng lục*. Mặc dù tư liệu khẳng định thời kỳ này đã có *Tăng lục*, nhưng do thiếu bằng chứng cụ thể cho nên vấn đề này vẫn tồn tại

nhiều nghi vấn. Bài viết có thể là một gợi ý cho việc nghiên cứu vấn đề *Tăng lục* thời chúa Nguyễn trong thời gian tới.

Hiện nay, nghiên cứu về Đàng Trong giai đoạn chúa Nguyễn đang gặp nhiều khó khăn về vấn đề tư liệu. Trong đó, nguồn tư liệu, tài liệu phản ánh chính sách của chính quyền chúa Nguyễn đối Phật giáo có ít cơ sở dữ liệu, tản mạn và thiếu tính hệ thống. Tìm hiểu vấn đề chính quyền chúa Nguyễn quản lý *tăng sĩ, cơ sở thờ tự* tại các ngôi chùa Sắc tứ ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII, tác giả đã khảo cứu một số ngôi chùa tiêu biểu với những thư tịch cổ tìm thấy tại đây. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu, đồng thời, nguồn tài liệu, tư liệu về Phật giáo nói chung, chính sách đối với Phật giáo nói riêng ở Đàng Trong cần tiếp tục được cập nhật trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An (2009), *Ô Châu Cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần (dịch, hiệu đính, chú giải), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Thích Hải Ấn (2016), “Tờ trình gửi phủ chúa miễn thuế tam bảo tự điền của tổ Nguyên Thiệu và tổ Giác Phong năm Chính Hòa thứ 15”, *Liễu Quán*, số 8, tr. 40-43.
3. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đặng Vinh Dự, Nguyễn Chí Ngàn (2018), “Sắc tứ Kim Cang tự ngôi cổ tự bên sông Đà Rằng”, *Liễu Quán*, số 14, tr. 67-76;
5. Thích Đồng Dưỡng (2012), “Tư liệu Hán Nôm chùa Quang Hoa”, *Suối Nguồn*, số 8, tr. 83-96.
6. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh.
8. Tạ Quốc Khánh (2012), *Chùa Sắc tứ vùng Huế*, Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
9. Tạ Quốc Khánh (2014), “Nhà Nguyễn với việc quản lý và sử dụng hệ thống chùa Sắc tứ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 06, tr. 31-45
10. Trần Hồng Liên (2000), *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Thích Không Nhiên (2022), “Tư liệu Hán Nôm chùa Thuyền Tôn”, *Liễu Quán*, số 25, tr. 20-36
12. Thích Không Nhiên (2023), “Lịch đại trú trì Tổ đình Viên Thông và cổ tự Viên Giác”, *Liễu Quán*, số 30, tr. 31-41
13. Thích Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch) (2010), *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Võ Vinh Quang (2016), “Làng Hà Trung và cổ tự Hà Trung qua góc nhìn địa chính trị - văn hoá”, *Liễu Quán*, số 8, tr. 88-95.

15. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục (Tiền biên)*, Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
16. Quốc sử Quán Triều Nguyễn (1997), *Đại Nam Nhất thống chí*, Tập 1-5, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
17. Onishi Kazuhiko (2014), “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, *Xưa & Nay*, số 448, tr. 33-36.
18. Thích Đại Sán (2015), *Hải ngoại kỷ sự*, Ủy Ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam (dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Lê Xuân Thông (2018), *Phật giáo Quảng Nam thế kỷ XVII – XIX*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Huế, Huế.
20. Thích Minh Trí (2012), *Quan hệ nhà nước quân chủ Lý – Trần với Phật giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
21. Trương Thúy Trinh (2020a), “Khảo cứu bước đầu về chùa Sắc tứ ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn (1558-1777)”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (527), tr. 24-31.
22. Trương Thúy Trinh (2020b), “Chính quyền chúa Nguyễn với các ngôi chùa Sắc tứ ở Đàng Trong (giai đoạn 1558-1777)”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (203), tr. 113-127.
23. Lê Bá Vương (2020), *Chính sách tôn giáo của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong (Thế kỷ XVII – XVIII)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract

MANAGEMENT OF MONKS AND WORSHIP FACILITIES OF THE BUDDHIST TEMPLES WITH ROYAL DECREE IN COCHINCHINA DURING THE XVII - XVIII CENTURIES

Truong Thuy Trinh

Institute for Religious Studies, VASS

At the end of the 17th century, along with the formation of the Buddhist temples appointed by the royal decree, the Nguyen Lords' government began to pay attention to the issues of managing monks and worship facilities of these Buddhist temples. Based on the perspective of History, Religious Studies, Textology, and historical sources, the article initially clarifies the management measures of the Nguyen Lords' government towards monks and worship facilities of the Buddhist temples with the royal decree in Cochinchina in the 17th-18th centuries. Thereby, it indicates views of the Nguyen Lords' policy towards Buddhism in Cochinchina during this period.

Keywords: Buddhism, royal decree, monks, worship facilities, Cochinchina.